

Số: 33/2021/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đơn giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Giá, ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP, ngày 11/11/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4026/TTr-STNMT, ngày 18/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như sau:

1. Đơn giá sản phẩm dịch vụ đo đạc và bản đồ, quản lý đất đai sử dụng ngân sách nhà nước do nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ:

a) Đơn giá lập lưới địa chính (Kèm theo phụ lục 01);

- b) Đơn giá đo đạc thành lập bản đồ địa chính (*Kèm theo phụ lục 02*);
 - c) Đơn giá số hóa và chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính (*Kèm theo phụ lục 03*);
 - d) Đơn giá đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính (*Kèm theo phụ lục 04*);
 - đ) Đơn giá trích đo địa chính thửa đất; chỉnh lý bản trích đo địa chính hoặc chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo đạc tài sản gắn liền với đất (*Kèm theo phụ lục 05*);
 - e) Đơn giá đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đồng loạt đối với hộ gia đình, cá nhân ở xã, thị trấn (*Kèm theo phụ lục 06*);
 - g) Đơn giá đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đồng loạt đối với hộ gia đình, cá nhân ở phường (*Kèm theo phụ lục 07*);
 - h) Đơn giá đăng ký, cấp đổi Giấy chứng nhận đồng loạt tại xã, thị trấn (*Kèm theo phụ lục 08*);
 - i) Đơn giá đăng ký, cấp đổi Giấy chứng nhận đồng loạt tại phường (*Kèm theo phụ lục 09*);
 - k) Đơn giá đăng ký biến động đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân (*Kèm theo phụ lục 10*);
 - l) Đơn giá đăng ký biến động đất đai đối với tổ chức (*Kèm theo phụ lục 11*);
2. Đơn giá sản phẩm dịch vụ đo đạc và bản đồ, quản lý đất đai cung cấp theo yêu cầu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chi trả:
- a) Đơn giá trích đo địa chính thửa đất; chỉnh lý bản trích đo địa chính hoặc chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo đạc tài sản gắn liền với đất thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (*Kèm theo phụ lục 12*);
 - b) Đơn giá đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ từng hộ gia đình, cá nhân do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện (*Kèm theo phụ lục 13*);
 - c) Đơn giá đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với tổ chức do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện (*Kèm theo phụ lục 14*);
 - d) Đơn giá đăng ký, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận riêng lẻ đối với hộ gia đình, cá nhân do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện (*Kèm theo phụ lục 15*);
 - đ) Đơn giá đăng ký, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận riêng lẻ đối với tổ chức do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện (*Kèm theo phụ lục 16*);
 - e) Đơn giá đăng ký biến động đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện (*Kèm theo phụ lục 17*);
 - g) Đơn giá đăng ký biến động đất đai đối với tổ chức do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện (*Kèm theo phụ lục 18*);
 - h) Đơn giá trích lục hồ sơ địa chính (*Kèm theo phụ lục 19*);
3. Đơn giá sản phẩm dịch vụ đo đạc và bản đồ, quản lý đất đai chưa bao gồm chi phí lập dự toán; chi phí kiểm tra, nghiệm thu, thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Sử dụng đơn giá không có khấu hao tài sản cố định.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Sử dụng đơn giá có khấu hao tài sản cố định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai, hướng dẫn việc thực hiện đơn giá sản phẩm và phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp những khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 và thay thế Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND, ngày 07/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về Ban hành Đơn giá đo đạc bản đồ và Đơn giá quản lý đất đai.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy và TT. HĐND tỉnh Vĩnh Long;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh Vĩnh Long;
- CT, P.CT.UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh Vĩnh Long;
- Báo Vĩnh Long;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh VL;
- Các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, 6.14.05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH